

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No. 578/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019
Hanoi, 29 November 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 28/11/2019
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2.200	3,9%
2	BVH	100	0,5%
3	CII	300	0,5%
4	CTD	50	0,3%
5	CTG	430	0,7%
6	DHG	10	0,1%
7	DXG	560	0,6%
8	EIB	1.520	2,0%
9	FLC	820	0,3%
10	FPT	790	3,5%
11	GAS	130	1,0%
12	GEX	590	0,9%
13	GMD	360	0,7%
14	HBC	230	0,2%
15	HCM	170	0,3%
16	HDB	1.000	2,1%
17	HPG	2.410	4,2%
18	HSG	370	0,2%



Handwritten signature

19	KBC	510	0,6%
20	MBB	1.990	3,5%
21	MSN	680	3,7%
22	MWG	410	3,6%
23	NLG	190	0,4%
24	NVL	540	2,4%
25	PDR	180	0,4%
26	PLX	150	0,7%
27	PNJ	250	1,6%
28	POW	680	0,7%
29	PVD	290	0,3%
30	PVS	300	0,4%
31	PVS	240	0,7%
32	REE	240	0,6%
33	ROS	330	0,6%
34	SAB	100	1,8%
35	SBT	410	0,6%
36	SHB	1.400	0,7%
37	SSI	440	0,7%
38	STB	2.620	2,0%
39	TCB	3.300	5,9%
40	TCH	280	0,6%
41	TPB	720	1,2%
42	VCB	430	2,9%
43	VCG	100	0,2%
44	VCS	100	0,6%
45	VGC	200	0,3%
46	VHM	1.210	8,7%
47	VIC	1.120	10,0%
48	VJC	380	4,2%
49	VNM	990	9,3%
50	VPB	2.450	3,9%
	VRE	1.520	4,0%
II	Tiền/Cash (VND)	10.952.595	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value

1.285.649.700 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF

1.296.602.295 VND

+ Giá trị chênh lệch/ Spread in value

10.952.595 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Plan to reduce the spread

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	71.000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	19.850	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	86.300	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	23.200	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	57.000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	24.000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	22.600	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	113.200	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	NLG	27.900	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	PNJ	82.300	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



Handwritten signature

11	REE	36.250	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TCB	23.350	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TPB	21.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VPB	20.400	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chi tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 28/11/2019	Kỳ trước/Last Period 27/11/2019	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	14.000.000	14.000.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12.850	13.000	-150
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	181.524.321.373	182.121.146.990	-596.825.617
của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit	1.296.602.295	1.300.865.335	-4.263.040
của 1 CCQ/ per Share	12.966,02	13.008,65	-42,63
Chỉ số tham chiếu/Tracking Index	1.452,54	1.467,66	-15,12

Đại diện tổ chức

Organization representative



Tổ Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC